TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-ST.
Ngày: 04-11-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Mỹ Linh
2. Ông Phan Ngọc Lợi

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giangkhông tham gia phiên tòa

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2019/TLST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lại Thị H , sinh năm: 1960 – Chủ cửa hàng phân bóm Kim H (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Ngọc H, sinh năm: 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Võ Anh T, sinh năm: 1954 và Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1956 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Lại Thị H trình bày: Trước đây, ông T có đến cửa hàng phân bón của bà để mua vật tư về phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của gia đình. Tổng số tiền mà ông T mua nợ bà tính từ ngày 14/4/2017 đến nay chưa trả là 44.765.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền trên sau khi thu hoạch lúa nhưng ông T hẹn lần. Nay xét thấy số tiền nợ trên, ông T mua phân thuốc phục vụ cho nhu cầu sản xuất của gia đình nên ông yêu cầu ông T và vợ là bà Đ cùng liên đới trả số nợ trên, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, ông Võ Anh T và bà Huỳnh Thị Đ thừa nhận số nợ trên và đồng ý trả cho bà H nhưng xác định khi nào bán được đất sẽ trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bà Lại Thị H khởi kiện ông T và bà Đ giao trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 44.765.000 đồng nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông T – bà Đ với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, có địa chỉ cư trú tại xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 01 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Võ Anh T và bà Huỳnh Thị Đ với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã triệu tập hợp lệ ông ông T - bà Đ đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông T - bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt ông T - bà Đ là hoàn toàn phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Lại Thị H khởi kiện yêu cầu ông Võ Anh T và bà Huỳnh Thị Đ cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 44.765.000 đồng. Đối với khoản nợ trên đã được ông T – bà Đ thừa nhận và đồng ý trả. Nhưng giữa các bên không thỏa thuận được với nhau về thời gian giao trả nên cách thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục thi hành án dân sự quyết định khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên của bà H.

Đối với khoản tiền lãi do bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.2]Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án; kể từ ngày ông Điệp – bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án ông T – bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông bà còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị H được chấp nhận nên ông T – bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 44.765.000 đồng nhưng ông T – bà Đ là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông T – bà Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 11, Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị H – Chủ cửa hàng phân bón Kim H

Buộc vợ chồng ông Võ Anh T và bà Huỳnh Thị Đ cùng liên đới giao trả cho bà lại Thị H số tiền mua vật tư còn nợ 44.765.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, ông T – bà Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông T – bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Anh T và bà Huỳnh Thị Đ.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm), bà H được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 04-11-2019). Riêng ông T – bà Đ được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cẩm Hương